

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 2 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 785/2025/QĐST-HNGĐ

Tp., ngày 30 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 404/2025/HNST ngày 15 tháng 9 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Bùi Thị N, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú: 39/C – 405 Chung cư H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người yêu cầu:* Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1982.

Địa chỉ thường trú: 39/C – 405 Chung cư H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Nhà không số, Khu phố C, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22/9/2025;

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh P và bà Bùi Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Thanh P và bà Bùi Thị N có 02 người con chung chưa thành niên tên Nguyễn Hồng P1, sinh ngày 30/5/2011; Nguyễn Kim T, sinh ngày 02/9/2012.

Ông P và bà N thống nhất giao 02 người con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông P không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản có chung: Không có.

- Về tài sản nợ chung: Không có.

- Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300,000 đồng, ông Nguyễn Thanh P và bà Bùi Thị N phải có nghĩa vụ nộp.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22/9/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh P và bà Bùi Thị N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 094/2010 do Ủy ban nhân dân phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng chứng nhận ngày 28/10/2010).

- Về con chung: Ông Nguyễn Thanh P và bà Bùi Thị N có 02 người con chung chưa thành niên tên Nguyễn Hồng P1, sinh ngày 30/5/2011 và Nguyễn Kim T, sinh ngày 02/9/2012.

Ông P và bà N thống nhất giao 02 người con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông P không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về tài sản nợ chung: Không có.

- Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300,000 đồng, ông Nguyễn Thanh P và bà Bùi Thị N phải có nghĩa vụ nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300,000 đồng ông N1, bà N2 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016328 ngày 10/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Toà án ND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 2 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lê Thị Minh